

Số: 90/TB-UBND

Đại Từ, ngày 30 tháng 09 năm 2025

THÔNG BÁO

Công khai kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 xã Đại Từ (lần 1)

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Thông tư 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND xã Đại Từ về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 (lần 2) cho Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Đại Từ;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND xã Đại Từ về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 (lần 3) cho Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Đại Từ;

UBND xã thông báo công khai kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 xã Đại Từ với các nội dung như sau:

1. Nội dung công khai: Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 xã Đại Từ (lần 1,2) cụ thể:

- Nguồn vốn CT MTQG dân tộc và thiểu số, Nguồn vốn CT MTQG nông thôn mới: 3.941 triệu đồng
- Nguồn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện CTMT quốc gia: 1.080 triệu đồng
- Nguồn ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện CT MTQG DTTS : 796 triệu đồng
- Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất: 11.702,235 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung: 3.002 triệu đồng
- Nguồn vốn chuyển nguồn năm 2024 chuyển sang năm 2025: 20.833.211304 triệu đồng
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh đối ứng CT MTQG: 8.228,119168 triệu đồng

(Có phụ biểu chi tiết đính kèm)

2. Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại công thông tin điện tử của UBND xã Đại Từ, tại trụ sở UBND xã, loa truyền thanh của xã.

3. Yêu cầu Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã phối hợp với phòng Kinh tế đăng tin trên công thông tin điện tử của UBND xã./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh (B/cáo);
- TT ĐU, TT HĐND xã (B/cáo);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Ban Kinh tế HĐND xã;
- Công thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT-VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Nguyễn Thị Mai Hương

CÔNG KHAI VỀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NHÀ NƯỚC GIAO VÀ PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 90/TB-UBND ngày 30/9/2025 của UBND xã Đại Từ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch nhà nước giao	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Tổng số	41.354,446304	41.354,446304	
	Trong đó : Vốn Trong nước	41.354,446304	41.354,446304	
	Vốn ngoài nước			
I	Vốn thiết kế quy hoạch			
1	Dự án ...			
II	Vốn chuẩn bị đầu tư			
1	Dự án ...			
III	Vốn thực hiện dự án	41.354,446304	41.354,446304	
A	Dự án nhóm A			
B	Dự án nhóm B			
C	Dự án nhóm C	41.354,446304	41.354,446304	
*	VỐN CT MTQG XÂY DỰNG NTM, VỐN CT MTQG DÂN TỘC THIỂU SỐ	3.941	3.941	
1	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lục Ba	2.700	2.700	
2	Cải tạo nâng cấp Chợ Mỹ Yên	200	200	
4	Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ(Đoạn từ ngã tư UBND xã Khôi Kỳ đến ngã ba xóm Bãi Pháo xã Khôi Kỳ)	541	541	
6	Cải tạo, nâng cấp mương thoát nước khu vực trung tâm xã Bình Thuận	500	500	
*	VỐN NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG CT MTQG	1.080	1.080	
1	Cải tạo nâng cấp Chợ Mỹ Yên	80	80	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ ĐT 263B đến ngã tư đi sở UBND xã Khôi Kỳ)	500	500	
3	Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi kỳ(Đoạn từ ngã tư UBND xã Khôi Kỳ đến ngã ba xóm Bãi Pháo xã Khôi Kỳ)	500	500	
	VỐN NGÂN SÁCH TỈNH ĐỐI ỨNG CT MTQG DTTS	796	796	
4	Đường giao thông nông thôn xã Lục Ba đoạn từ xóm Đàm Giáo đi đường trục liên xã Lục Ba - Mỹ Yên	496	496	
5	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lục Ba	300	300	
	NGUỒN THU CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	11.702,235	11.272,235	
1	Trường THCS Mỹ Yên HM: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng học	5.000	5.000	
2	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường từ ĐT.263B (trần La Giai) đi trung tâm xã Mỹ Yên	409	409	
3	Nâng cấp, cải tạo đập Bò Hòn, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ.	250	250	
4	Nâng cấp cải tạo Đập vai Hoan xã Khôi Kỳ	2.454	2.454	
5	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lục Ba	500	500	
6	Đường giao thông nông thôn xã Lục Ba đoạn từ xóm Đàm Giáo đi đường trục liên xã Lục Ba - Mỹ Yên	500	500	
7	Cải tạo, mở rộng tuyến đường liên xã Lục Ba - Mỹ Yên (đoạn từ ngã ba đường trục xã đến cầu ông Hiên xã Lục Ba)	86	86	
8	Xây dựng và lắp đặt đường điện chiếu sáng tại trung tâm các xã dọc trục đường DDT gồm Bình Thuận, Lục Ba, Ký Phú, Cát Nê	430	430	
9	8096235 - Khu tái định cư xã Bình Thuận phục vụ các dự án thu hồi đất trên địa bàn huyện Đại Từ (thuộc khu dân cư số 2, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ)	1.996	1.996	
10	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn xã Khôi kỳ huyện Đại Từ	77,235	77	
	NGUỒN CHUYỂN NGUỒN	20.833,211304	20.833,211304	
1	Khu xử lý rác thải số 1 huyện Đại Từ, hạng mục: Hồ Chôn lấp số 3 và các hạng mục phụ trợ	8.437	8.437	
2	Đường giao thông liên xã Mỹ Yên - Hoàng Nông - La Bằng - Phú Xuyên (Nâng cấp đoạn tuyến liên xã Khôi Kỳ - Hoàng Nông)	227,93564	228	

STT	Nội dung	Kế hoạch nhà nước giao	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
3	Nâng cấp, cải tạo đập Bò Hòn, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ.	319	319	
4	Đường giao thông nông thôn xã Lục Ba đoạn từ xóm Đám Giáo đi đường trục liên xã Lục Ba - Mỹ Yên	1.528,275664	1.528,275664	
5	Xây dựng và lắp đặt đường điện chiếu sáng tại trung tâm các xã dọc trục đường ĐT 261 gồm Bình Thuận, Lục Ba, Ký Phú, Cát Nê	3.000	3.000	
6	Khu tái định cư xã Bình Thuận phục vụ các dự án thu hồi đất trên địa bàn huyện Đại Từ (thuộc khu dân cư số 2, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ)	7.321	7.321	
	NGUỒN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG	3.002	3.002	
1	Khu xử lý rác thải số 1 huyện Đại Từ, hạng mục: Hồ chôn lấp rác thải số 3 và các hạng mục phụ trợ	2.451	2.451	
2	Nâng cấp, cải tạo đập Bò Hòn, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ.	551	551	

Biểu mẫu : 01/CKTC-ĐTXD

CÔNG KHAI VỀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NHÀ NƯỚC GIAO VÀ PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 90 /TB-UBND ngày 30/9/2025 của UBND xã Đại Từ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch nhà nước giao	Phân bổ vốn đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Tổng số	8.228,119168	8.228,119168	
	Trong đó : Vốn Trong nước	8.228,119168	8.228,119168	
	Vốn ngoài nước			
I	Vốn thiết kế quy hoạch			
1	Dự án ...			
II	Vốn chuẩn bị đầu tư			
1	Dự án ...			
III	Vốn thực hiện dự án	8.228,119168	8.228,119168	
A	Dự án nhóm A			
B	Dự án nhóm B			
C	Dự án nhóm C	8.228,119168	8.228,119168	
*	VỐN NGÂN SÁCH TỈNH ĐÓ ỨNG CT MTQG	8.228,119168	8.228,119168	
1	Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024, Hạng mục: Đường BTXM xóm Phú Nghĩa.	227,088000	227,088000	
2	Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024, Hạng mục: Đường BTXM xóm Góc Quéo.	186,458400	186,458400	
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ ĐT 263B đến ngã tư đi trụ sở UBND xã Khôi Kỳ)	579,348000	579,348000	
4	Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ ngã tư UBND xã Khôi Kỳ đến ngã ba xóm Bãi Pháo xã Khôi Kỳ).	747,475200	747,475200	
5	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2023(gói 5)	89,330400	89,330400	
6	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2023(gói 1)	279,892800	279,892800	
7	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2023(gói 6)	27,907200	27,907200	
8	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 2)	12,312000	12,312000	
9	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 3)	101,505600	101,505600	
10	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 5)	150,343200	150,343200	
11	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 9)	36,115200	36,115200	
12	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 11)	49,248000	49,248000	
13	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 12)	19,699200	19,699200	
14	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 15)	14,774400	14,774400	
15	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 8)	88,300000	88,300000	
16	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 6)	22,366800	22,366800	
17	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 1)	94,534400	94,534400	
18	Dự án: Xây dựng đường GTNT xã Bình Thuận năm 2024 (Gói 1).	301,507200	301,507200	
19	Dự án: Xây dựng đường GTNT xã Bình Thuận năm 2024 (Gói 2).	321,480000	321,480000	
20	Dự án: Xây dựng đường GTNT xã Bình Thuận năm 2024 (Gói 3)	272,118600	272,118600	
21	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường từ ĐT.263B (trần La Giai) đi trung tâm xã Mỹ Yên	1.374,976800	1.374,976800	
22	Đường giao thông liên xã Mỹ Yên - Hoàng Nông - La Bằng - Phú Xuyên (Nâng cấp đoạn tuyến liên xã Khôi Kỳ - Hoàng Nông)	979,693200	979,693200	

23	Đường GTNT xã Khôi Kỳ (Gói 4) Hạng mục: Đường BTXM xóm Bãi Pháo.	35,341995	35,341995	
24	Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 3), Hạng mục: Đường BTXM xóm Gò Lá	46,267200	46,267200	
25	Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ ngã tư UBND xã Khôi Kỳ đến ngã ba xóm Bãi Pháo xã Khôi Kỳ).	1,088640	1,088640	
26	Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024, Hạng mục: Đường BTXM xóm Gò Miêu	199,373200	199,373200	
27	Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024, Hạng mục: Đường BTXM xóm Gò Chòi	259,532000	259,532000	
28	Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024, Hạng mục: Đường BTXM xóm Gò Vai	280,462000	280,462000	
29	Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024, Hạng mục: Đường BTXM xóm Gò Lá	41,860000	41,860000	
30	Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024, Hạng mục: Đường BTXM xóm Đức Long	21,049600	21,049600	
31	Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024, Hạng mục: Đường BTXM xóm Đồng Hoan	108,836000	108,836000	
32	Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024, Hạng mục: Đường BTXM xóm La Phác	71,760000	71,760000	
33	Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024, Hạng mục: Đường BTXM xóm La Phác tuyến 2	82,284800	82,284800	
34	Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2024, Hạng mục: Đường BTXM xóm Hoà Bình	45,596553	45,596553	
35	XD đường GTNT xã Bình Thuận năm 2023 (Gói 1)	48,697692	48,697692	
36	XD đường GTNT xã Bình Thuận năm 2023 (Gói 2)	17,096688	17,096688	
37	XD đường GTNT xã Bình Thuận năm 2024 (Gói 4)	268,502000	268,502000	
38	XD đường GTNT xã Bình Thuận năm 2024 (Gói 5,6)	208,907000	208,907000	
39	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 4)	92,690000	92,690000	
40	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 10)	71,281600	71,281600	
41	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 12)	59,800000	59,800000	
42	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 13)	37,076000	37,076000	
43	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Mỹ Yên năm 2024(gói 14)	141,486800	141,486800	
44	Dự án: Đường giao thông nông thôn xã Lục Ba năm 2024	112,654800	112,654800	